

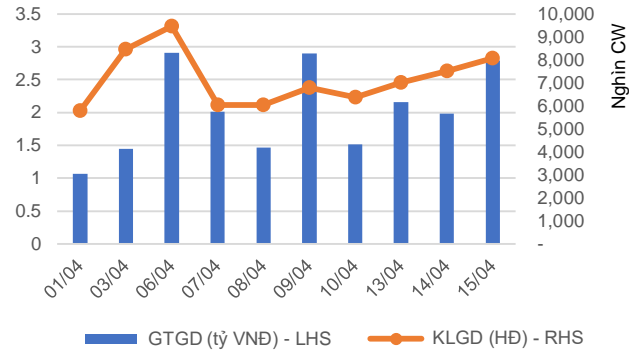


Bản tin chứng quyền ngày 15/04/2020

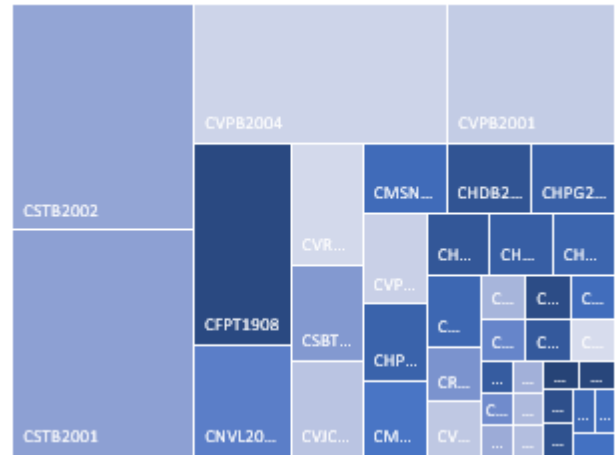
Chứng quyền ngân hàng vẫn là tâm điểm

Nói tiếp các chứng quyền VPB ở phiên hôm trước, đến phiên hôm nay các chứng quyền của STB là nhóm thu hút dòng tiền và tăng mạnh. Một lần nữa các chứng quyền của KISVN tiếp tục áp đảo nhóm có thanh khoản tốt nhất thị trường và đây cũng là một trong những CTCK có lượng chứng quyền đa dạng nhất (về các mã cơ sở). Hai chứng quyền của cổ phiếu STB là CSTB2001 và CSTB2002 là 2 mã dẫn đầu về thanh khoản cùng mức tăng ấn tượng trong phiên. Chúng tôi vẫn nhận thấy nhóm chứng quyền của các cổ phiếu ngân hàng vẫn duy trì sức hấp dẫn, tuy vậy dòng tiền đang có xu hướng chuyển sang các nhóm cổ phiếu midcap và penny, bên cạnh đó các chỉ số đang tiếp cận vùng kháng cự mạnh. Do vậy, NĐT nên thận trọng khi mở vị thế mua mới ở các chứng quyền trong giai đoạn này.

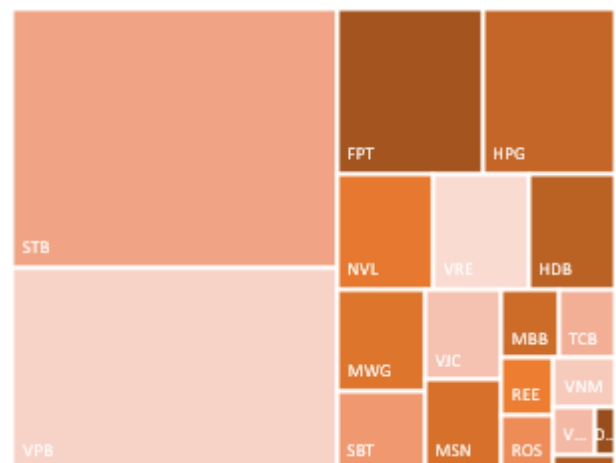
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bố GTGD theo mã chứng quyền



Phân bố GTGD theo mã chứng khoán cơ sở





We Create Fortune

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CDPM2001	-19.0%	810	14,280	0.01	OTM	14.4%	3.98	45	75%
CDPM2002	0.0%	-	-	-	OTM	7.8%	#DIV/0!	173	0%
CFPT1905	0.0%	70	60,930	0.01	OTM	9.9%	0.20	3	49%
CFPT1908	35.6%	800	266,990	0.20	OTM	12.6%	5.27	43	46%
CFPT2001	18.2%	390	52,160	0.02	OTM	15.7%	3.92	46	47%
CFPT2002	6.0%	530	20,240	0.01	OTM	17.9%	6.62	68	32%
CGMD1901	100.0%	20	286,090	-	OTM	56.1%	0.00	7	151%
CGMD2001	0.0%	40	144,010	0.01	OTM	48.4%	0.00	46	61%
CHDB2001	16.7%	140	411,340	0.06	OTM	42.3%	0.03	45	62%
CHDB2003	14.9%	770	57,730	0.04	OTM	63.0%	0.31	173	63%
CHDB2004	0.0%	30	70,720	-	OTM	38.2%	0.00	19	58%
CHPG1907	5.3%	200	97,450	0.02	OTM	5.5%	8.41	3	55%
CHPG1909	-10.0%	90	118,610	0.01	OTM	23.7%	0.36	20	58%
CHPG2001	33.3%	400	90,830	0.04	OTM	23.4%	2.14	52	56%
CHPG2002	3.8%	830	70,780	0.06	OTM	57.5%	0.67	173	62%
CHPG2003	100.0%	100	479,020	0.05	OTM	11.4%	2.18	9	62%
CHPG2004	8.3%	650	55,180	0.04	OTM	20.1%	2.63	41	54%
CMBB1903	100.0%	20	83,720	-	OTM	34.7%	0.00	3	123%
CMBB2001	18.2%	130	296,070	0.04	OTM	30.0%	0.23	46	51%
CMSN1902	11.1%	100	130,050	0.01	OTM	28.7%	0.08	20	65%
CMSN2001	3.8%	2,210	24,350	0.06	OTM	26.2%	2.55	173	62%
CMWG2001	20.0%	60	233,360	0.02	OTM	57.0%	0.00	46	65%
CMWG2002	0.0%	130	42,570	0.01	OTM	44.9%	0.05	60	58%
CMWG2003	0.0%	20	566,230	0.01	OTM	49.3%	0.00	5	149%
CMWG2004	28.1%	410	109,860	0.05	OTM	37.3%	0.08	41	49%
CNVL2001	0.0%	1,400	82,340	0.11	OTM	37.7%	0.89	173	56%
CPNJ2001	0.0%	10	183,120	-	OTM	38.1%	0.00	5	105%
CREE1903	80.0%	90	9,610	-	OTM	11.0%	0.05	3	61%
CREE1905	24.4%	560	40,950	0.02	OTM	11.5%	5.94	43	45%
CREE2001	16.7%	350	28,920	0.01	OTM	16.1%	3.49	46	54%
CROS2001	0.0%	60	427,170	0.03	OTM	567.7%	0.00	45	281%
CSBT2001	0.0%	970	68,640	0.07	OTM	56.0%	0.17	173	57%
CSTB2001	44.2%	620	755,070	0.42	OTM	19.8%	1.97	45	66%
CSTB2002	22.8%	1,510	292,180	0.42	OTM	38.1%	1.39	173	68%
CTCB1902	0.0%	390	49,680	0.01	OTM	21.9%	1.25	35	54%
CTCB2001	0.0%	100	80,760	0.01	OTM	32.2%	0.48	46	49%
CTCB2002	100.0%	80	413,380	0.02	OTM	25.8%	0.08	19	54%
CVHM1902	0.0%	50	118,360	-	OTM	25.4%	0.00	3	91%
CVHM2001	4.3%	1,700	900	-	OTM	52.0%	0.49	173	71%
CVIC1902	-66.7%	10	106,530	-	OTM	19.8%	0.00	3	59%
CVIC1903	-16.7%	50	94,310	0.01	OTM	28.6%	0.00	20	58%
CVIC2001	-0.8%	2,410	5,000	0.01	OTM	44.3%	0.41	173	65%
CVJC1902	0.0%	60	15,580	-	OTM	17.4%	0.00	3	65%
CVJC2001	-3.3%	890	89,160	0.07	OTM	64.3%	0.03	173	65%
CVNM1903	0.0%	20	116,530	-	OTM	18.0%	0.00	3	58%
CVNM1905	100.0%	20	62,440	-	OTM	26.9%	0.00	7	83%
CVNM2001	-8.3%	220	17,710	-	OTM	23.2%	1.02	46	48%
CVNM2002	-0.7%	1,350	22,690	0.03	OTM	49.1%	0.58	173	53%
CVPB2001	4.5%	1,400	162,200	0.24	ITM	4.8%	6.34	46	48%
CVPB2003	4.0%	1,800	27,150	0.06	OTM	9.4%	6.43	68	40%
CVPB2004	-12.5%	350	678,280	0.36	OTM	12.0%	6.09	19	45%
CVRE1903	0.0%	70	10	-	OTM	37.7%	0.00	20	71%
CVRE2001	-7.1%	390	211,580	0.09	OTM	46.9%	0.63	111	63%
CVRE2002	-5.6%	170	123,080	0.02	OTM	25.2%	1.70	46	53%
CVRE2003	-2.8%	1,390	910	-	OTM	56.2%	0.66	173	68%
CDPM2001	-19.0%	810	14,280	0.01	OTM	14.4%	3.98	45	75%



We Create Fortune

Nguồn: Fiipro, YSVN

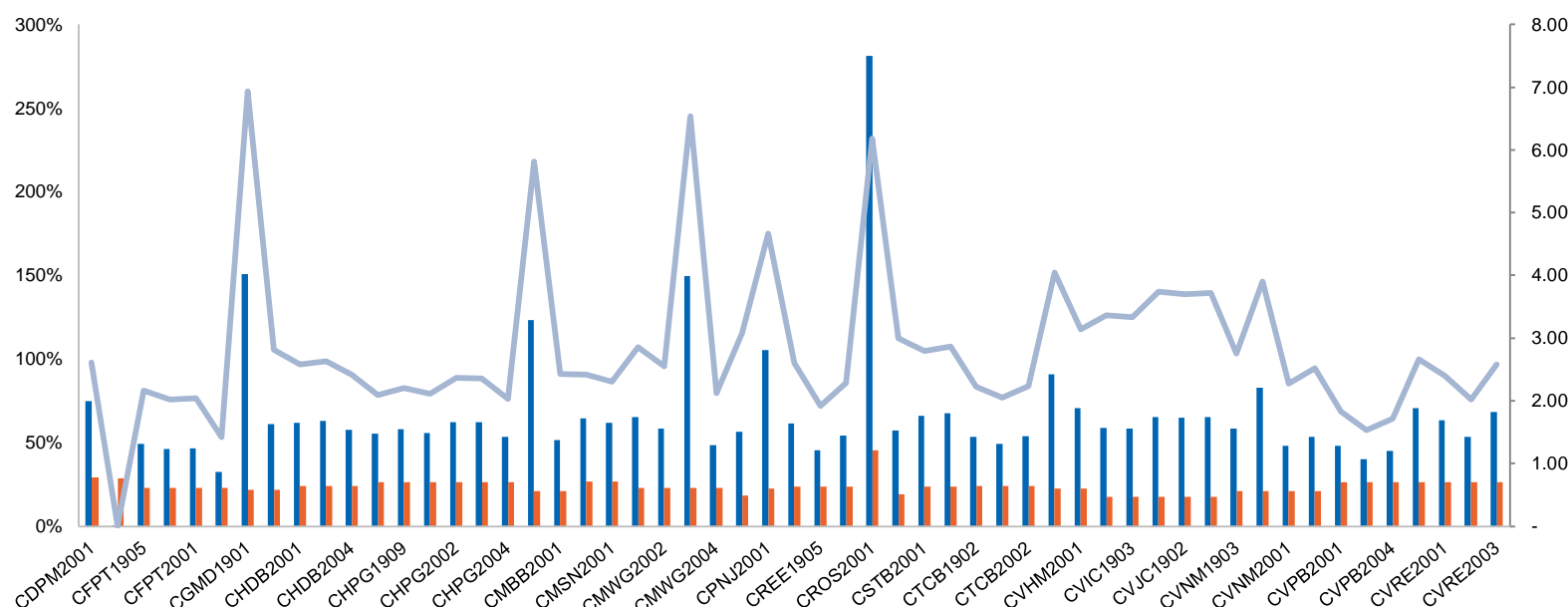
Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro.

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
DPM	12.05	14.15	TĂNG	GIẢM	13.08	9%	12.78	(1.42)
FPT	44.60	50.10	TĂNG	GIẢM	49.79	12%	44.50	52.87
HPG	18.85	20.10	TĂNG	GIẢM	21.29	13%	17.82	2.37
MBB	15.75	16.35	TĂNG	GIẢM	17.70	12%	14.44	1.48
MSN	52.30	60.90	TĂNG	GIẢM	60.10	15%	55.61	(2.35)
MWG	69.90	76.80	TĂNG	GIẢM	80.19	15%	66.50	3.03
NVL		51.90	GIẢM	GIẢM			52.71	
PNJ	55.50	59.20	TĂNG	GIẢM	61.01	10%	51.89	1.53
REE	30.20	31.00	TĂNG	GIẢM	34.55	14%	28.16	2.13
STB	8.93	9.70	TĂNG	GIẢM	10.08	13%	8.29	1.81
VHM	66.00	67.80	TĂNG	GIẢM	71.37	8%	61.85	1.29
VIC	86.80	96.00	TĂNG	GIẢM	99.04	14%	86.34	26.61
VNM	94.00	99.20	TĂNG	GIẢM	104.21	11%	93.49	19.91
VJC	109.10	110.80	TĂNG	GIẢM	121.09	11%	106.19	4.13
VRE	20.85	26.10	TĂNG	GIẢM	22.96	10%	22.96	(1.00)

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

We Create Fortune

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CDPM2001	KISVN	6 tháng	2.00000 : 1	1,000	2,000,000	14,567	17/06/2020
CDPM2002	KISVN	11 tháng	1.00000 : 1	1,700	2,000,000	15,252	14/12/2020
CFPT1905	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	9,900	5,000,000	55,000	20/04/2020
CFPT1908	MBS	6 tháng	3.00000 : 1	3,150	2,400,000	54,000	15/06/2020
CFPT2001	HCM	6 tháng	5.00000 : 1	1,600	5,000,000	56,000	18/06/2020
CFPT2002	VCI	6 tháng	2.00000 : 1	3,300	1,000,000	58,000	20/07/2020
CGMD1901	MBS	3 tháng	3.00000 : 1	1,680	1,500,000	26,400	24/04/2020
CGMD2001	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	1,000	5,000,000	25,000	18/06/2020
CHDB2001	KISVN	6 tháng	2.00000 : 1	2,000	5,000,000	29,099	17/06/2020
CHDB2003	KISVN	11 tháng	2.00000 : 1	2,700	2,000,000	32,123	14/12/2020
CHDB2004	SSI	3 tháng	1.00000 : 1	3,200	3,000,000	28,500	12/05/2020
CHPG1907	SSI	3 tháng	1.00000 : 1	4,200	1,500,000	21,000	20/04/2020
CHPG1909	KISVN	3 tháng	2.00000 : 1	1,800	3,000,000	24,680	13/05/2020
CHPG2001	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,800	5,000,000	24,000	26/06/2020
CHPG2002	KISVN	11 tháng	2.00000 : 1	1,700	3,000,000	29,999	14/12/2020
CHPG2003	MBS	3.5 tháng	3.00000 : 1	1,570	6,000,000	22,100	28/04/2020
CHPG2004	SSI	4 tháng	1.00000 : 1	2,800	5,000,000	23,500	11/06/2020
CMBB1903	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	4,000	2,400,000	22,000	20/04/2020
CMBB2001	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,600	5,000,000	21,000	18/06/2020
CMSN1902	KISVN	4 tháng	5.00000 : 1	3,000	1,500,000	77,889	13/05/2020
CMSN2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	2,300	2,000,000	65,789	14/12/2020
CMWG2001	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,700	5,000,000	120,000	18/06/2020
CMWG2002	MBS	6 tháng	10.00000 : 1	1,950	2,000,000	110,000	08/07/2020
CMWG2003	MBS	3.5 tháng	10.00000 : 1	1,530	4,000,000	114,500	22/04/2020
CMWG2004	SSI	4 tháng	1.00000 : 1	13,600	1,000,000	105,000	11/06/2020
CNVL2001	KISVN	11 tháng	4.00000 : 1	2,300	2,000,000	65,888	14/12/2020
CPNJ2001	MBS	3.5 tháng	4.89350 : 1	2,200	2,000,000	81,721	22/04/2020
CREE1903	SSI	6 tháng	0.95310 : 1	7,600	1,000,000	34,312	20/04/2020
CREE1905	MBS	6 tháng	2.85930 : 1	2,150	2,000,000	32,977	15/06/2020
CREE2001	HCM	6 tháng	4.76550 : 1	1,100	5,000,000	34,312	18/06/2020
CROS2001	KISVN	6 tháng	4.00000 : 1	1,500	10,000,000	26,468	17/06/2020
CSBT2001	KISVN	11 tháng	1.00000 : 1	2,900	2,000,000	21,111	14/12/2020
CSTB2001	KISVN	6 tháng	1.00000 : 1	1,500	5,000,000	10,999	17/06/2020
CSTB2002	KISVN	11 tháng	1.00000 : 1	1,700	3,000,000	11,888	14/12/2020
CTCB1902	VND	5 tháng	1.00000 : 1	5,300	5,000,000	21,000	03/06/2020
CTCB2001	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,700	5,000,000	23,000	18/06/2020
CTCB2002	SSI	3 tháng	1.00000 : 1	2,500	3,000,000	22,000	12/05/2020
CVHM1902	SSI	5 tháng	1.00000 : 1	18,600	3,000,000	85,000	20/04/2020
CVHM2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	3,100	2,000,000	94,567	14/12/2020
CVIC1902	SSI	3.5 tháng	1.00000 : 1	22,700	1,000,000	115,000	20/04/2020
CVIC1903	KISVN	3 tháng	10.00000 : 1	2,100	2,000,000	123,000	13/05/2020
CVIC2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	3,800	2,000,000	126,468	14/12/2020
CVJC1902	SSI	6.5 tháng	1.00000 : 1	27,900	1,000,000	130,000	20/04/2020
CVJC2001	KISVN	11 tháng	10.00000 : 1	2,400	2,000,000	173,137	14/12/2020
CVNM1903	SSI	3 tháng	0.97524 : 1	26,600	1,500,000	117,029	20/04/2020
CVNM1905	MBS	3 tháng	9.91500 : 1	2,500	3,000,000	125,722	24/04/2020
CVNM2001	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,700	5,000,000	120,000	18/06/2020
CVNM2002	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	3,200	3,000,000	141,111	14/12/2020
CVPB2001	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,500	5,000,000	20,000	18/06/2020
CVPB2003	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	5,000	1,500,000	22,000	20/07/2020



We Create **Fortune**

CVPB2004	SSI	3 tháng	1.00000 : 1	4,100	3,000,000	24,000	12/05/2020
CVRE1903	KISVN	6.5 tháng	2.00000 : 1	2,700	1,000,000	35,789	13/05/2020
CVRE2001	KISVN	9 tháng	4.00000 : 1	1,500	8,000,000	36,789	17/09/2020
CVRE2002	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	1,400	5,000,000	32,000	18/06/2020
CVRE2003	KISVN	11 tháng	2.00000 : 1	3,000	3,000,000	37,999	14/12/2020

Nguồn: Fiinpro, YSVN



We Create **Fortune**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609
tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409
hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828
hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868
que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868
phong.bui@yuanta.com.vn



Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12-month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be affected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written